

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-PT

Ngày 19-5-2022

V/v “*tranh chấp đòi tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giáp Bá Dự

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Đình Nam

Ông Phan Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim A.

Địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Diễm Q và anh Nguyễn Minh T.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Lê Văn M.

Địa chỉ: Làng N, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Trần Thị Diễm Q và anh Nguyễn Minh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:*

Chị có quan hệ quen biết với vợ chồng chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T và có cho chị Q, anh T vay tiền, cụ thể:

Ngày 22/7/2013, chị cho chị Q vay 250.000.000 đồng. Việc vay tiền có viết giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ này là do chị Q viết. Mục đích vay về đáo hạn ngân hàng. Lãi suất thỏa thuận là 2%/ngày, thời hạn trả nợ là ngày 25/7/2013.

Ngày 01/8/2013, chị cho anh T vay 400.000.000 đồng. Việc vay tiền có viết giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ này là do chị viết, có chữ ký người vay là Nguyễn Minh T. Đồng thời, anh T có thể chấp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 57, tờ bản đồ số 49, đường tuyến 2, thị trấn Chư ty, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng với bản gốc Giấy phép xây dựng số 85/GPXD và 01 Bản pho to Bản vẽ thiết kế xây dựng để làm tin (*những giấy tờ này, chị đã giao nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ*). Lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Mục đích anh T vay tiền để làm gì thì chị không biết. Thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến ngày 01/9/2013.

Từ ngày 01/8/2013 đến ngày 20/8/2013, chị lại tiếp tục cho chị Q, anh T vay nhiều lần với tổng số tiền là 108.000.000 đồng. Khi vay không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ và cũng không viết giấy vay nợ.

Sau đó, chị Q và chị tính toán, chốt tổng số tiền mà vợ chồng họ còn nợ chị, tổng cộng là 758.000.000 đồng. Chị và chị Q thống nhất cho chị Q trả tiền gốc theo phương thức trả góp hàng ngày, có ngày chị Q trả 200.000 đồng, có ngày chị Q trả 300.000 đồng. Chị Q là người trực tiếp trả tiền cho chị, chị có ký nhận vào trong quyển sổ của chị Q. Tổng cộng từ ngày 01/10/2013 đến ngày 02/9/2016, chị Q đã trả cho chị được 369.580.000 đồng. Sau đó, dù chị nhiều lần đòi nhưng chị Q và anh T vẫn không trả cho chị thêm khoản tiền nào nữa.

Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị Q trả cho chị là 388.420.000 đồng nợ gốc trong một lần, chị không yêu cầu tính lãi suất.

Ngày 09/5/2019, chị khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T và chị Q trả cho chị tiền lãi tính trên nợ gốc từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/8/2019 với mức lãi suất 1%, lãi là 124.294.400 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 138.920.000 đồng nợ gốc và 124.294.400 đồng lãi nữa, chị chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 249.500.000 đồng nợ gốc.

*Bị đơn anh Nguyễn Minh T, chị Trần Thị Diễm Q và người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Q là anh Lê Văn M trình bày:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, đã triệu tập họp lệ anh T, chị Q để lấy lời khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, nhưng anh T, chị Q đều vắng mặt, cũng không cung cấp lời khai hay ý kiến gì. Do đó, hồ sơ vụ án không có lời khai và ý kiến của anh T, chị Q. Sau đó anh T, chị Q đã ủy quyền cho anh Lê Văn M đại diện tham gia tố tụng.

Anh Lê Văn M trình bày:

Anh Nguyễn Minh T, chị Trần Thị Diễm Q là vợ chồng và có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Kim A.

Ngày 22/7/2013, chị Q vay của chị A số tiền 250.000.000 đồng, Giấy nhận nợ do chị Q viết.

Ngày 01/8/2013, anh T vay của chị A 400.000.000 đồng, Giấy nhận nợ do chị Nguyễn Thị Kim A viết, có chữ ký nhận nợ của anh Nguyễn Minh T.

Từ khi vay đến nay, anh T và chị Q đã trả cho chị A 675.880.000 đồng, thể hiện theo chứng cứ là Sổ ghi số tiền đã trả mà bên chị A đã ký, như vậy số tiền trả vượt quá số nợ, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 166, 280, 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A.

Buộc chị Trần Thị Diễm Q và anh Nguyễn Minh T trả cho chị Nguyễn Thị Kim A 249.500.000 đồng nợ gốc.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A về việc buộc chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T trả 124.294.400 đồng tiền lãi và 138.920.000 đồng nợ gốc.

Buộc chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T trả 3.573.000 đồng chi phí giám định tại giai đoạn sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Kim A.

Buộc chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T và phải chịu 12.475.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim A 9.710.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003062 ngày 28/02/2019 và 3.107.360 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002337 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán; hiệu lực của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; thông báo quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 4/12/2021, bị đơn là chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do:

- Thời hiệu khởi kiện đã hết hiệu lực;

- Hợp đồng thế chấp do bên nhận thế chấp không có chức danh thế chấp theo quy định của pháp luật về thế chấp tài sản;

- Không cản trở nghĩa vụ cho nhau về phần tài sản đã trả vượt mức so với nợ gốc;

Chị Q, anh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, buộc chị Nguyễn Thị Kim A bù trừ nghĩa vụ vào khoản tiền mà họ đã trả và trả lại khoản tiền họ đã thanh toán vượt số tiền gốc; buộc chị Nguyễn Thị Kim A trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 866736 do UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/5/2012 mang tên Nguyễn Minh T.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim A và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Văn M đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ tranh chấp của vụ án như sau:

Tổng số tiền mà chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim A là 150.000.000 đồng.

Thời hạn mà chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T trả 150.000.000 đồng này cho chị Nguyễn Thị Kim A là 5 ngày kể từ ngày 19/5/2022.

Tổng số tiền chi phí giám định là 5.573.000 đồng; trong đó nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại giai đoạn sơ thẩm là 3.573.000 đồng, bị đơn đã nộp tạm ứng tại giai đoạn phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T phải liên đới hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim A 3.573.000 đồng tiền chi phí giám định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền còn phải thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã xét xử vụ án về “*Tranh chấp đòi tài sản*” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim A với bị đơn là anh Nguyễn Minh T, chị Trần Thị Diễm Q; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Tổng số tiền mà chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim A là 150.000.000 đồng.

Thời hạn mà chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T trả 150.000.000 đồng này cho chị Nguyễn Thị Kim A là 5 ngày kể từ ngày 19/5/2022.

Tổng số tiền chi phí giám định là 5.573.000 đồng; trong đó nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại giai đoạn sơ thẩm là 3.573.000 đồng, bị đơn đã nộp tạm ứng tại giai đoạn phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T phải liên đới hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim A 3.573.000 đồng tiền chi phí giám định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền còn phải thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim A 9.710.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003062 ngày 28/02/2019 và 3.107.360 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002337 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0008333 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai; chị Trần Thị Diễm Q, anh Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Giáp Bá Dự**